

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH - BỘ NỘI VỤ**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH - BỘ NỘI VỤ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp
viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao***Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;**Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;**Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;**Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;**Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao.***Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư liên tịch này quy định về mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao.

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao

- | | |
|-------------------------------------|--------------------|
| 1. Huấn luyện viên cao cấp (hạng I) | Mã số: V.10.01.01. |
| 2. Huấn luyện viên chính (hạng II) | Mã số: V.10.01.02. |
| 3. Huấn luyện viên (hạng III) | Mã số: V.10.01.03. |
| 4. Hướng dẫn viên (hạng IV) | Mã số: V.10.01.04. |

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 3. Huấn luyện viên cao cấp (hạng I) - Mã số: V.10.01.01

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì hoặc tham gia chủ trì xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn về phát triển môn thể thao; kế hoạch, chương trình huấn luyện của đội tuyển, đội tuyển trẻ thể thao quốc gia và đội tuyển thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngành;

b) Chủ trì hoặc tham gia chủ trì việc tuyển chọn, quản lý vận động viên; trực tiếp huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật, thể lực, rèn luyện tâm lý, ý chí, đạo đức cho vận động viên; chỉ đạo vận động viên thuộc phạm vi phụ trách tham gia các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, quốc tế;

c) Chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn, vệ sinh trong tập luyện, thi đấu và kiểm tra y học cho vận động viên;

d) Chủ trì hoặc tham gia chủ trì xây dựng các đề tài khoa học liên quan đến đào tạo, huấn luyện vận động viên cấp cao của bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tổ chức triển khai nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và các phương pháp huấn luyện hiện đại trong công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên;

đ) Phối hợp thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức cho vận động viên; quan tâm chăm sóc cuộc sống tinh thần; sức khỏe; khẩu phần ăn đảm bảo dinh dưỡng theo yêu cầu tập luyện, thi đấu của môn thể thao; điều kiện ở, nghỉ ngơi và học tập văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ giúp vận động viên vững tâm và có sức khỏe tốt tập luyện và thi đấu;

e) Thống kê, lưu trữ những tài liệu và định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm liên quan đến công tác huấn luyện, thi đấu trong nước và quốc tế của vận động viên; chủ động nghiên cứu, tích cực cải tiến phương pháp huấn luyện nhằm nâng cao chất lượng công tác huấn luyện;

g) Xây dựng dự báo khả năng phát triển thành tích thể thao, khả năng đạt thành tích thi đấu của vận động viên thuộc đối tượng quản lý;

h) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức chuyên môn ở hạng thấp hơn.

2. Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp:

a) Có tinh thần trách nhiệm cao, say mê, nhiệt tình với công việc được giao, luôn tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp; không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tích cực nghiên cứu và chủ động áp dụng các thành tựu khoa học trong công tác huấn luyện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện vận động viên góp phần nâng cao thành tích thi đấu thể thao;

b) Luôn là tấm gương mẫu mực về phẩm chất đạo đức và tác phong sinh hoạt; sẵn sàng vượt mọi khó khăn gian khổ vì sự nghiệp đào tạo, huấn luyện vận động viên; gương mẫu, tôn trọng, có cách ứng xử văn hóa với Ban tổ chức giải thi đấu, trọng tài, huấn luyện viên và vận động viên đội bạn; chỉ đạo vận động viên thi đấu thể thao với tinh thần cao thượng, đặt uy tín, danh dự quốc gia lên hàng đầu;

c) Khách quan, có chính kiến rõ ràng và năng lực chuyên môn trong công tác tuyển chọn vận động viên; chấp hành nghiêm túc, vận dụng sáng tạo các tiêu chuẩn chuyên môn nghề nghiệp và tiêu chuẩn tuyển chọn vận động viên đảm bảo tuyển chọn được tài năng thể thao tốt nhất; thận trọng trong mọi quyết định để hạn chế tối đa những sai sót ảnh hưởng đến quá trình huấn luyện và phát triển thể lực, trí lực của vận động viên, tránh được những rủi ro nghề nghiệp;

d) Làm việc khoa học, độc lập, tự chủ, không vì bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào chi phối làm ảnh hưởng đến tính trung thực, tính độc lập nghề nghiệp; tích cực đấu tranh với những hành vi tiêu cực;

đ) Chăm lo đến sự phát triển toàn diện của vận động viên; gắn việc đào tạo và huấn luyện chuyên môn với việc giáo dục văn hóa, các phẩm chất chính trị, đạo đức; xây dựng mối quan hệ tốt với vận động viên, hướng dẫn vận động viên tận tình, chu đáo, giúp xây dựng tập thể vận động viên đoàn kết, thân ái; giáo dục cho vận động viên lối sống, sinh hoạt hướng tới chân - thiện - mỹ; tham gia và vận động mọi người tham gia các hoạt động bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vận động viên;

e) Tuyệt đối tôn trọng và bảo vệ các thông tin quan trọng có ảnh hưởng đến công tác huấn luyện; giữ gìn bí mật quốc gia trong phạm vi chuyên môn của mình.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ cử nhân chuyên ngành thể dục thể thao trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chức danh huấn luyện viên cao cấp (hạng I).

4. Tiêu chuẩn về năng lực, chuyên môn nghiệp vụ:

a) Nhận thức và nắm vững chủ trương, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thể dục thể thao và phát triển thể thao thành tích cao;

b) Hiểu biết sâu sắc kiến thức về lý luận và phương pháp giáo dục thể chất; học thuyết huấn luyện thể thao; nắm chắc và thường xuyên cập nhật kỹ thuật, chiến thuật và xu hướng phát triển kỹ thuật, chiến thuật của môn thể thao chuyên sâu ở trong nước và trên thế giới;

c) Hiểu biết rõ các kiến thức về giáo dục học, tâm lý học, y sinh học thể dục thể thao, dinh dưỡng, sử dụng thuốc bổ trợ và các quy định về phòng, chống doping trong tập luyện và thi đấu thể thao;

d) Nhận thức và vận dụng đúng các quy định của luật thi đấu của môn thể thao; điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của liên đoàn môn thể thao ở trong nước và quốc tế;

đ) Biết kiểm tra y học thể dục thể thao và sơ cứu chấn thương cho vận động viên trong tập luyện và thi đấu thể thao;

e) Có khả năng nghiên cứu, xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển môn thể thao, kế hoạch huấn luyện môn thể thao ở cấp đội tuyển thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngành trở lên; có năng lực chỉ đạo và tổ chức phối hợp với đồng nghiệp trong hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng công tác huấn luyện thể thao;

g) Có khả năng đề xuất những giải pháp sáng tạo, có sáng kiến hoặc công trình nghiên cứu khoa học trực tiếp ứng dụng trong công tác huấn luyện được cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tương đương trở lên công nhận;

h) Có thành tích đào tạo được vận động viên đạt huy chương vàng tại SEA Games (hoặc giải vô địch thể thao Đông Nam Á), hoặc huy chương tại ASIAD (hoặc giải vô địch Châu Á), hoặc huy chương tại Đại hội Olympic (hoặc giải vô địch thế giới);

i) Viên chức thăng hạng lên chức danh huấn luyện viên cao cấp (hạng I) phải có thời gian công tác giữ chức danh huấn luyện viên chính (hạng II) hoặc tương đương từ đủ 6 năm trở lên nhưng phải có thời gian hưởng lương chức danh huấn luyện viên chính (hạng II) ít nhất đủ 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh huấn luyện viên cao cấp (hạng I).

Điều 4. Huấn luyện viên chính (hạng II) - Mã số: V.10.01.02

1. Nhiệm vụ:

a) Xây dựng kế hoạch huấn luyện dài hạn và ngắn hạn, chương trình, giáo án huấn luyện đối với các vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngành;

b) Chủ trì hoặc tham gia tuyển chọn, quản lý vận động viên; trực tiếp huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật, thể lực, rèn luyện tâm lý, ý chí, đạo đức cho vận động viên; chỉ đạo vận động viên thuộc phạm vi phụ trách tham gia các giải thi đấu thể thao từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngành trở lên;